

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP TV
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22-3-2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TV, TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thảo Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Minh Sơn.

Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tuyền, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thu Giang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TV, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 10 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06/3/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1982. (có đơn xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 09 Đường X, Khóm A, Phường B, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông **Tiêu Khánh H**, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường E, thành phố TV, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trình bày:

Năm 2018, bà và ông Tiêu Khánh H qua quá trình tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Bà và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc và có một người con chung tên Tiêu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 01/01/2019. Quá trình chung sống giữa bà và ông H luôn bất đồng quan điểm, không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi,

làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân chủ yếu là do ông H không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con. Ông H tự ý bỏ nhà ra đi và không tới lui thăm nom, phụ giúp vợ con (ly thân khoảng 03 năm). Mặc dù, bà đã liên hệ nhiều lần nhưng vẫn không liên lạc được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Tiêu Khánh H.

- Về con chung: Bà và ông Tiêu Khánh H có một người con chung tên Tiêu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 01/01/2019. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Tiêu Khánh H vắng mặt nên không có lời trình bày.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

1. Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án trong thời gian chuẩn bị xét xử; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Tiêu Khánh H, và yêu cầu giải quyết quyền nuôi con trong cùng vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn và tranh chấp quyền nuôi con”. Vụ án có bị đơn ông Tiêu Khánh H cư trú tại Khóm C, Phường E, thành phố TV, nên tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TV theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Tiêu Khánh H, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt không có lý do.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 13/3/2023. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố TP đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị T và ông Tiêu Khánh H là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Tiêu Khánh H qua quá trình tìm hiểu yêu thương và tiến đến hôn nhân với nhau, bà T và ông H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh, theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/9/2018, nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông H là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu dẫn đến bà T yêu cầu được ly hôn với ông H là do ông H không quan tâm chăm sóc vợ con. Qua xác minh, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông H đã trở nên trầm trọng, không thể hàn gắn được. Ông H biết được việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H thông qua việc Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông H vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Từ đó cho thấy, ông H không có ý chí muốn đoàn tụ cùng với bà T. Trong thời gian ly thân giữa bà T và ông H không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này minh chứng cho tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở để chấp nhận.

- Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tiêu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 01/01/2019. Tuy nhiên, khi quyết định giao cháu Tiêu Nguyễn Trọng T1 cho người nào nuôi cần xem xét toàn diện về điều kiện, hoàn cảnh của người trực tiếp nuôi con. Xét thấy, cháu Tiêu Nguyễn Trọng T1 từ trước đến nay đều do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T có đủ khả năng về kinh tế để lo cho tương lai của cháu T1. Ông Tiêu Khánh H bỏ đi từ khi cháu T1 mới 12 tháng tuổi, không tới lui thăm nom, chăm sóc cháu T1. Do đó, để đảm bảo cuộc sống cũng như ổn định tâm lý của cháu T1, cần thiết giao cháu T1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T đã được giải thích các quy định của pháp luật về người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án bà T không yêu cầu ông Tiêu Khánh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Nguyễn Thị Tiêm phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Tiêu Khánh H.

2. Về con chung: Giao cháu Tiêu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 01/01/2019 cho bà Nguyễn Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu ông Tiêu Khánh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị T khai không có, nên không xem xét giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí là 300.000 đồng. Nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà bà T đã đóng theo biên lai thu tiền số 0011942 ngày 24/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TV. Bà T đã nộp đủ tiền án phí, nên bà T không phải nộp tiếp.

7. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.TV;
- Chi cục THADS TP. TV;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thảo Nguyên

